

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/HS-ST

Ngày: 03/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Vũ Thúy Hằng
- Bà Trần Thị Hồng Lê

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 146/TLST-HS ngày 23/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1264/2024/QĐXXST-HS, ngày 12/3/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn N**; sinh năm 1986 tại tỉnh T; nơi đăng ký thường trú: Tổ H, ấp C, xã B, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: 1 khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị N1; vợ tên Lý Thị S (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016 (bl.161, 163, 165);

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giữ: 31/01/2023;

Tạm giam: 06/02/2023;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Đình T**; luật sư của Công ty L, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt (có gửi bài bào chữa và có đơn xin vắng mặt).

Bị hại: Bà **Mai Thị Phụng D**, sinh năm 1981; nơi cư trú: 367 đường H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chủ Doanh nghiệp tư nhân S1; có

mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản của Tiệm V, vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 28/01/2023, Phạm Văn N mang theo một ba lô màu đen bên trong có 02 tua- vít, 01 thanh sắt, 01 cái kềm bằng kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ và 01 đôi găng tay, rồi đón xe ôm đi từ Phòng trọ số 1, địa chỉ số A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B đến Tiệm V (của Doanh nghiệp tư nhân S1, do bà Mai Thị Phụng D làm chủ doanh nghiệp) tọa lạc tại địa chỉ số C đường H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là nhà số C). Nu quan sát thì thấy tiệm vàng đang đóng cửa, đèn trong nhà thì tắt. Nu đi đến cột điện phía trước căn nhà bên cạnh nhà số C đường H (cách khoảng 0,5m), leo lên cột điện, nhảy qua mái tôn rồi đi bộ sang ban công lầu 1 nhà 367. Tiếp theo đó, N dùng tua vít và thanh sắt cạy phá cửa ra vào ở lầu 2 (dạng cửa kính nhôm xingfa). Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/01/2023, N phá được cửa. Sau đó, N dùng kìm cắt dây mạng Internet phía trước ban công, rồi đi vào bên trong nhà. Khi đến giữa lầu 1, N đi cầu thang xuống tầng trệt thì thấy trong tủ kính ở tầng trệt trưng bày nhiều tài sản gồm: nhẫn, dây chuyền, lắc, vòng tay, vòng cổ...; chìa khóa tủ kính thì còn gắn trên ổ khóa của tủ kính. Nu mở cửa tủ kính thì thấy có tiền đô-la M và đô la Ú, nên N lấy và bỏ vào áo khoác đang mặc. Sau đó, N tiếp tục lấy nữ trang, nhẫn, lắc, vòng đeo tay, dây chuyền, bộ vòng xi-men bỏ vào trong ba-lô, rồi đi lên lầu 1 theo lối đã vào để ra ngoài. N đi bộ đến ngã tư G, rồi đón xe ôm (do ông Võ Văn P điều khiển) chở về nhà trọ Số A khu phố B, phường T, thành phố T. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 29/01/2023, N về đến phòng trọ và cất giấu tài sản trộm cắp ở trong nhà vệ sinh ở tầng 2.

Vào thời điểm bị cáo thực hiện việc trộm cắp, bà D cùng chồng và con ngủ trong phòng ngủ ở lầu 1 nhà 367 nhưng không phát hiện được việc bị cáo trộm cắp. Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 29/01/2023, bà D phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Phòng PC09 và Công an Q tiến hành khám nghiệm hiện trường và truy xét.

Ngày 30/01/2023, khi bị Cơ quan điều tra mời đến trụ sở để làm việc, N đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu; đồng thời N khai như sau: Sau khi lấy trộm được tài sản, khoảng 18 giờ ngày 29/01/2023, N đón xe khách đến huyện V, tỉnh V, thuê phòng trọ và nghỉ tại đây. Sáng ngày 30/01/2023, N đón xe ôm đến Bến phà huyện V, tỉnh V, đón bạn gái là Cao Thị Kim N2 về nhà trọ ở địa chỉ số A khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B. Sau đó, N chở N2 đi làm, rồi quay

trở lại phòng trọ. Nu không cho bà N2 biết việc N trộm cắp và nơi giấu tài sản trộm cắp. Khoảng 19 giờ ngày 30/01/2023, N bị Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi toàn bộ số tài sản mà N đã trộm cắp bao gồm 1.785 sản phẩm trang sức bằng vàng các loại, có loại có gắn đá, 3.000 đô la Mỹ và 500 đô la Úc.

Căn cứ Kết luận giám định số 1306/KL-KTHS ngày 14/02/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Kết luận định số 168/KL-HĐĐGTS ngày 28/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành Phố xác định được như sau: Toàn bộ tài sản là đồ trang sức bằng vàng mà Nu trộm cắp có trị giá 5.878.342.000đ. Riêng đối với đá quý, Phân viện không có đủ điều kiện, phương tiện để giám định các loại đá quý nên không thể tiến hành giám định được theo yêu cầu của Cơ quan điều tra. Do vậy, cũng không có căn cứ để tiến hành định giá tài sản.

Theo văn bản số 424/HCM – QLNVH ngày 16/02/2023 của Ngân hàng N3 cho biết thì vào thời điểm ngày 27/01/2023, trị giá quy đổi 01 đô la Mỹ bằng 23.608đ, 01 đô la Úc bằng 16.585,58đ.

Theo giá quy đổi ngoại tệ như đã nêu và kết quả định giá đã đề cập thì tổng trị giá các tài sản mà bị cáo trộm cắp của bị hại đã định giá được là 5.957.458đ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã còn thu giữ được một số vật chứng như sau:

Thu giữ của bị cáo:

- 01 xe máy Honda Vision, biển số 70 H1- 393.54;
- 01 đôi dép cao su;
- 01 bình xịt hơi cay, 01 dùi cui điện không còn sử dụng được;
- 01 ba lô màu đen;
- 01 quần vải màu xám;
- 01 áo khoác màu xám có dòng chữ chữ ADIDAS;
- 01 áo khoác màu xanh có dòng chữ chữ B;
- 01 áo sơ mi dài tay;
- 03 chiếc tua vít có cán bằng nhựa;
- 01 nón kết màu xám có dòng chữ chữ ADIDAS;
- 01 thanh kim loại màu đen có 01 đầu dẹp;
- 01 kèm cắt có cán bằng nhựa màu đỏ-đen;
- 01 bình xịt hơi cay có dòng chữ Nato;
- 01 roi điện màu đen không có hiệu;

-01 đèn pin bằng nhựa màu trắng-đỏ;

-01 điện thoại di động Iphone có khay sim số 356759083749904.

Bị hại giao nộp (bl.212, 213, 218, 223):

-01 USB màu xanh có chứa dữ liệu hình ảnh liên quan đến vụ án (do bị hại giao nộp);

-23 đế bằng nhựa, 01 khăn phủ màu đỏ (do bị hại giao nộp);

-01 đoạn sắt phi 6, dài khoảng 26cm.

Theo Bản kết luận giám định số 3702/KL-KTHS ngày 17/4/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận về những vật vừa nêu như sau: 01 bình xịt hơi cay, 01 dùi cui điện không còn sử dụng được không xác định được nguồn gốc, xuất xứ là công cụ hỗ trợ, có tính năng tác dụng tương tự công cụ hỗ trợ. Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 29/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 đối với Phạm Văn N về hành vi tàng trữ những vật đã nêu, tạm giữ vật chứng (bl.166).

Tại Bản kết luận giám định số 4807/KL-KTHS ngày 31/8/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về việc giám định, trích xuất hình ảnh như sau:

1.Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 04 tập tin video cần giám định ký hiệu lần lượt A1 đến A4 đã nêu tại mục II.1.

2.Đã trích xuất dữ liệu hình ảnh trong 03 tập tin video cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 ra bản ảnh (chi tiết dữ liệu được thể hiện trong phụ lục kèm theo 28 trang khổ A4).

Căn cứ Bản kết luận giám định số 2063/KL-KTHS ngày 11/4/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định được như sau: 01 xe Honda Vision biển số 70 H1-393.54, có số khung, số máy không thay đổi, số khung là RLHJF5819GY764776, số máy là JF66E-0829930.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị hại toàn bộ số tài sản đã bị N lấy trộm (bl.231).

Tại bản Cáo trạng số 119/CT-VKS-P2 ngày 16/02/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện những hành vi như đã nêu trên.

Bị hại xác nhận đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp là trang sức và ngoại tệ. Bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày luận tội như sau: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Căn cứ lời khai nhận của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có căn cứ xác định việc truy tố là đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự,

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 14 đến 16 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử lý vật chứng theo qui định của pháp luật.

Thư ký phiên tòa, công bố nội dung bào chữa của luật sư Nguyễn Đình T như sau:

- Về tội danh: Luật sư đồng tình với cáo trạng truy tố nên không có ý kiến.

- Về hình phạt: Ngoài tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát nêu trong cáo trạng, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bởi lẽ bị cáo chưa có tiền án tiền sự, tính đến thời điểm phạm tội được xem là phạm tội lần đầu; tài sản trộm cắp đã được thu hồi giao trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính, có xác nhận của chính quyền địa phương.

Bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của luật sư; không bào chữa bổ sung, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng.

[2]. Bị cáo bị truy tố về tội có hình phạt cao nhất là 20 năm tù. Do vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án đã chỉ định người bào chữa cho bị cáo. Luật sư Nguyễn Đình T, người được chỉ định bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi bài bào chữa cho bị cáo; bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt luật sư T. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 291 Bộ luật hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt luật sư T.

[3]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn

cứ để xác định như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/01/2023, bị cáo đã có hành vi sử dụng kềm, tua-vít và thanh sắt, lết lút cạy cửa đột nhập vào cửa hàng của Doanh nghiệp tư nhân S1, tọa lạc tại địa chỉ số C đường H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, lấy trộm mang đi 1.785 sản phẩm trang sức các loại, 3.000 đô la Mỹ và 500 đô la Úc, có tổng trị giá là 5.957.458.000đ.

[4].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm hại trái phép đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản; gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

[5].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với các quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6].Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo có mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; toàn bộ tài sản trộm cắp đã được thu hồi giao trả lại cho bị hại. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Luật sư bào chữa nêu ra tình tiết bị cáo là lao động chính, có hoàn cảnh gia đình khó khăn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhưng lại không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng, để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7].Về các biện pháp tư pháp, xử lý các đồ vật thu giữ:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015, xử lý như sau:

Tại phiên tòa, bị hại xác nhận đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất; không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đây là ý chí tự nguyện của bị hại, cần được ghi nhận.

Đối với xe máy Honda Vision, biển số 70 H1- 393.54 (của bị cáo): Kết quả điều tra xác định được: Xe Honda Vision mang biển số 70 H1-393.54 do bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1982, nơi thường trú: T3B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tiến hành lấy lời khai của bà T1, bà T1 cho biết bà đã bán xe cho 01 người không rõ lai lịch vào năm 2020 (bl.208). Bị cáo khai rằng bị cáo đã mua xe của một người không rõ lai lịch với giá 19.000.000đ để sử dụng (bl.141). Như vậy, bà T1 đã từ bỏ quyền sở hữu đối với chiếc xe, bị cáo là người chiếm hữu xe. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự thì xe thuộc

quyền sở hữu của bị cáo. Mặt khác, không có căn cứ để xác định bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Do vậy, cần giao trả xe cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone thu giữ của bị cáo: Không có căn cứ chứng minh bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần giao trả cho bị cáo.

Đối với 01 USB màu xanh có chứa dữ liệu hình ảnh liên quan đến vụ án. Là chứng cứ thu thập, cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 bình xịt hơi cay, 01 roi (dùi cui) điện: Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 29/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023, xử phạt Phạm Văn N 4.000.000đ về hành vi tàng trữ những vật đã nêu; áp dụng hình thức phạt bổ sung là tạm giữ những vật đã nêu (bl.166). Do vậy, cần giao cho Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với những vật còn lại: Là công cụ, phương tiện phạm tội; trang phục của bị cáo mặc, đồ vật của bị hại nhưng có trị giá không đáng kể hoặc đã hư cũ. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không yêu cầu lấy lại. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của bị cáo 01 đôi dép cao su. Tuy nhiên, cơ quan điều tra không chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; mặt khác, đôi dép không phải là vật chứng trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8]. Bị cáo phải án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015,

1. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn N** 14 (mười bốn) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2023;.

2. Về các biện pháp tư pháp và xử lý các đồ vật thu giữ:

Ghi nhận tại phiên tòa việc bà Mai Thị Phụng D cho biết đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Giao trả lại cho bị cáo Phạm Văn N:

-01 (một) điện thoại di động có khay sim số 356759083749904 (...9904, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong). (Mã số DT/230BB/2024)

-01 (một) xe gắn máy Honda Vision, biển số 70H1-393.54; số khung: RLHJF5819GY764776; số máy: JF66E0829930 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra). (Mã số XMay/230BB/2024)

Giao cho Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh các đồ vật sau đây để xử lý theo thẩm quyền:

-01 (một) bình xịt hơi cay có dòng chữ Nato; 01 (một) roi điện màu đen không có hiệu. (Mã số LT/230BB/2024)

Tịch thu tiêu hủy:

-01 (một) khăn vải màu đỏ; 01 (một) đoạn sắt phi 6 dài 26cm; 01 (một) ba lô màu đen; 01 (một) quần vải màu xám; 01 (một) áo khoác màu xám có dòng chữ chữ adidas; 01 (một) áo khoác màu xanh có dòng chữ chữ B; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh; 03 (ba) tua vít có cán bằng nhựa; 01 (một) nón kết màu xám có dòng chữ chữ adidas; 01 (một) thanh kim loại màu đen có một đầu dẹp; 01 (một) kìm cắt có cán bằng nhựa màu đỏ - đen; 01 (một) đèn Pin bằng nhựa màu trắng - đỏ (mã số LT/230BB/2024);

-23 đế bằng nhựa dùng để trưng bày trang sức (mã số DE/230BB/2024).

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/230 ngày 20/3/2024 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC02 Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

4.Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5.Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (8)
- Trại giam; (2)
- Người bào chữa; (1)
- Đường sự; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (26) (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân